

MỤC 33: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HÒA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐH.716	ĐT.749A (CẦU HỒ ĐÁ)	RANH HUYỆN BÀU BÀNG (CŨ)	1.900	800	600
2	ĐH.717	ĐT.749A	ĐH 716	2.200	900	700
3	ĐH.721	ĐT.749A	ĐT.750 (ĐỒNG BÀ BA)	1.700	700	500
4	ĐH.722	ĐT.749A (NGÃ 3 CẨM XE)	ĐT.749B (CẦU BÀ VÀ)	1.300	500	400
5	ĐT.749A (TỈNH LỘ 30 CŨ)	RANH HUYỆN BÀU BÀNG (CŨ)	NGÃ 4 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LONG TÂN (CŨ)	4.400	1.800	1.300
		NGÃ 4 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LONG TÂN	ĐH.721	4.000	1.600	1.200
		ĐH.721	CẦU THỊ TÍNH	4.900	2.000	1.500
		CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI		1.700	700	500
6	ĐT.749C	NGÃ 3 ĐÒN GÁNH (ĐT.749A)	RANH THỊ TRẦN LAI UYÊN HUYỆN BÀU BÀNG	3.100	1.200	900
7	ĐT.749D (BỒ LÁ - BẾN SÚC)	NGÃ 3 LONG TÂN	CẦU PHÚ BÌNH (RANH LONG TÂN - AN LẬP)	3.100	1.200	900
8	ĐT.750	RANH XÃ DẦU TIẾNG (CẦU ĐỎ - CẦU ĐEN)	RANH XÃ CÂY TRƯỜNG II	3.200	1.300	1.000

MỤC 33: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HÒA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI		3.200	1.300	1.000
9	ĐƯỜNG D11	ĐT.749A	ĐT.749A	2.500	1.000	800
10	ĐƯỜNG D8	ĐT.749A	ĐH.717	2.500	1.000	800
11	ĐƯỜNG LONG TÂN - CÂY TRƯỜNG	ĐT.749A	SUỐI BÀ TÚ	2.200	900	700
12	ĐƯỜNG MINH TÂN - LONG HOÀ	ĐH.704 (NHÀ TRẺ NÔNG TRƯỜNG MINH TÂN)	ĐT.749A	1.300	500	400
13	ĐƯỜNG N2 - XÃ MINH TÂN	ĐH.704 (XÃ MINH TÂN)	NHÀ ÔNG HẠ	1.300	500	400
14	ĐƯỜNG NHỰA LÒ RÈN	ĐT.749B	ĐH.722	1.300	500	400
15	ĐƯỜNG NHỰA LONG TÂN	ĐT.749A	CẦU BẾN THAN	1.300	500	400
		ĐT.749A (NGÃ 4 PHƯƠNG ĐÔNG)	ĐƯỜNG NHỰA (VĂN PHÒNG ÁP HỒ MUÔNG)	1.300	500	400
16	ĐƯỜNG NHỰA TỪ NGÃ TƯ HÓC MĂNG (XÃ LONG TÂN) ĐẾN RANH XÃ LONG NGUYÊN (BÀU BÀNG)	NGÃ TƯ HÓC MĂNG (LONG TÂN)	CUỐI THỦA ĐẤT SỐ 10 VÀ 21, TỜ BẢN ĐỒ 32 (LONG TÂN)	1.300	500	400
		CUỐI THỦA ĐẤT SỐ 10 VÀ 21, TỜ BẢN ĐỒ 32 (LONG TÂN)	RANH XÃ LONG NGUYÊN (THỦA ĐẤT SỐ 279, TỜ BẢN ĐỒ 32, LONG TÂN)	1.300	500	400

MỤC 33: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HÒA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI TRONG CÁC KHU CÔNG NGHỆ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, KHU SẢN XUẤT, KHU CHẾ XUẤT CÒN LẠI.	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		2.200	900	700
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		1.900	800	600
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TĐC CHỢ LONG TÂN	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÓ BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		5.500	2.200	1.700
		ĐƯỜNG NỘI BỘ CÓ BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG DƯỚI 9M		5.200	2.100	1.600
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG CÁC KHU THƯƠNG MẠI, KHU DỊCH VỤ, KHU DU LỊCH, KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ (HIỆN HỮU) CÒN LẠI.	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		2.500	1.000	800
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		2.200	900	700
20	HỒ CHÍ MINH	LONG TÂN (RANH TRỪ VĂN THỎ)	THANH AN (GIÁP SÔNG SÀI GÒN)	1.900	800	600